



CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 162/QĐ-ĐHNB ngày 11 tháng 03 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hòa Bình)

Tên chương trình	: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngành đào tạo	: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
Tên tiếng Anh	: Tourism and Travel Service Management
Mã số	: 7810103
Loại hình đào tạo	: Chính quy
Danh hiệu tốt nghiệp	: Cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành có phẩm chất đạo đức tốt, trung thành với Tổ quốc, biết vận dụng sáng tạo và hiệu quả đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước trong hoạt động thực tiễn; có đủ kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội, quản trị kinh doanh, đặc biệt chuyên sâu về kiến thức, kỹ năng và thái độ trong quản lý, kinh doanh dịch vụ du lịch, lữ hành lưu trú và hướng dẫn du lịch; có khả năng lập kế hoạch kinh doanh, tổ chức các hoạt động kinh doanh, tạo lập doanh nghiệp mới về kinh doanh lữ hành và dịch vụ du lịch, có sức khỏe tốt để hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

Hiểu biết được các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và Tư tưởng Hồ Chí Minh; Kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật, đạo đức, sức khỏe, an ninh quốc phòng;

Hiểu biết kiến thức cơ bản về di sản, lịch sử, tâm lý, xã hội, cộng đồng và hệ sinh thái;

Hiểu biết kiến thức cơ bản về văn hóa, xã hội và môi trường, văn hóa (bản địa, dân tộc, khu vực, thế giới);

Hiểu biết kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý phát triển, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, thị trường và cạnh tranh. Hiểu biết cơ bản tài chính, kế toán, thống kê, marketing, tâm lý - hành vi; các nguyên lý và đặc thù của hoạt động du lịch; tổ chức kinh doanh dịch vụ du lịch; làm cơ sở để nghiên cứu sâu về nghiệp vụ quản trị kinh doanh du lịch;

Hiểu biết kiến thức về quản lý và phát triển điểm đến; quy hoạch, kế hoạch phát triển các khu, tuyến, điểm du lịch; Du lịch bền vững, Du lịch cộng đồng, Quản lý du lịch quốc tế;

Nắm vững kiến thức chuyên sâu về phát triển và bán sản phẩm du lịch, lữ hành, lưu trú du lịch, marketing; kiến thức về các loại hình du lịch, đặc biệt các loại hình du lịch mới: MICE, du lịch khai thác giá trị văn hóa bản địa, du lịch xanh; du lịch cộng đồng;

Nắm vững kiến thức cơ bản về giao tiếp, thị hiếu khách hàng để kịp thời cung cấp các dịch vụ lữ hành, lưu trú, ăn uống, vận chuyển và bố trí các điểm tham quan phù hợp với nhu cầu của du khách;

Nắm vững kiến thức chuyên sâu liên quan đến việc tổ chức và thực hiện hoạt động kinh doanh du lịch; các kiến thức chuyên sâu quản trị tour du lịch, đại lý lữ hành, kinh doanh khách sạn-nhà hàng, sự kiện-hội nghị/du lịch MICE, vui chơi giải trí; quy trình thiết kế, quá trình điều hành và quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ... tại các đơn vị kinh doanh du lịch.

1.2.2. Kỹ năng

Kỹ năng cứng

- Kỹ năng thiết lập và duy trì mối quan hệ với các nhà cung cấp dịch vụ du lịch và lữ hành

- Kỹ năng cung ứng các dịch vụ du lịch, lữ hành cho khách.

- Kỹ năng chuyên sâu, đặc biệt kỹ năng tiếp thị và tiêu thụ sản phẩm du lịch và lữ hành

- Kỹ năng chăm sóc khách hàng

- Kỹ năng lập kế hoạch, điều phối công việc và giám sát hoạt động trong các đơn vị kinh doanh du lịch – lữ hành;

- Kỹ năng phân tích, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm tra giám sát chương trình Du lịch (Tour)

- Kỹ năng quản trị tác nghiệp buồng, bàn, lễ tân trong cơ sở kinh doanh lưu trú

- Kỹ năng thực thi các chương trình, các công đoạn phục vụ cho công tác quản trị ở cấp tác nghiệp tại các khách sạn, cơ sở lưu trú, công ty du lịch, đại lý lữ hành, văn phòng du lịch, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, các doanh nghiệp tổ chức sự kiện; thực hiện được nghiệp vụ hướng dẫn; thực hiện được việc tư vấn, cung cấp các dịch vụ trong các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ.

- Kỹ năng làm báo cáo cho các công việc chuyên môn về du lịch-dịch vụ: tham mưu, đề xuất về công tác quản lý, điều hành; về kinh doanh lữ hành, khách sạn, nhà hàng, sự kiện; xây dựng, thực hiện và kiểm soát hiệu quả các kế hoạch làm việc ở vị trí công tác;

- Kỹ năng phối hợp xác lập và thực hiện được các bước công việc trong công tác tài chính, kế toán, công tác quản trị, các nghiệp vụ kinh doanh cụ thể đối với một

doanh nghiệp kinh doanh du lịch; thực hiện thành thạo thao tác trong hướng dẫn và bán hàng cho du khách;

- Kỹ năng nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực dịch vụ du lịch và lữ hành

Kỹ năng mềm

- Kỹ năng thuyết phục khách hàng.
- Có khả năng làm việc độc lập, theo nhóm và giao tiếp có hiệu quả.
- Kỹ năng giao tiếp, truyền thông và đàm phán ký kết hợp đồng kinh doanh;
- Kỹ năng giao tiếp, trình bày những giải pháp phức tạp, giải pháp thay thế,...thông qua các báo cáo thuyết trình chuyên môn...
- Phương pháp làm việc khoa học và chuyên nghiệp;
- Kỹ năng làm việc nhóm;
- Kỹ năng quản lý bản thân

1.2.3. Thái độ

Thái độ, phong cách văn minh, lịch thiệp, niềm nở, hiếu khách, nhiệt tình, tận tâm, yêu nghề, luôn ân cần giúp đỡ khách (Quan hệ chủ nhà – khách quý)

Thái độ tự tôn, tự hào dân tộc trong đón tiếp phục vụ khách

Thái độ tôn trọng và có trách nhiệm với môi trường Du lịch

Thái độ của nhà cung ứng dịch vụ du lịch và lữ hành chuyên nghiệp

Về trình độ Ngoại ngữ:

Áp dụng chuẩn đầu ra tiếng Anh tương đương trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo Dục và Đào Tạo (*Tương đương cấp độ B1 của CEFR-Khung tham chiếu ngôn ngữ chung của Hội đồng châu Âu*).

Công nhận đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ khi đáp ứng một trong những điều kiện sau: + Có kết quả đạt trong kỳ đánh giá chuẩn đầu ra tiếng Anh do Nhà trường tổ chức trong thời hạn 3 năm tính từ ngày có quyết định công nhận đạt chuẩn đầu ra đến ngày xét tốt nghiệp.

Có một trong những chứng chỉ quốc tế tiếng Anh: TOEFL 450, TOEFL iBT 57, TOEIC 450, IELTS 4.5, PET 70, BULATS 40 còn thời hạn tính từ ngày được cấp chứng chỉ đến ngày xét tốt nghiệp được, trung tâm ngoại ngữ Đại học Hòa Bình xác minh và công nhận.

Về trình độ Tin học:

Đạt chuẩn đầu ra về Tin học không chuyên tại Trường Đại học Hòa Bình về việc kiểm tra kiến thức và những kỹ năng thực hành theo chuẩn IC3: Có kiến thức căn bản về máy tính (phần cứng, phần mềm, biểu diễn dữ liệu trên máy tính, mạng máy tính, vấn đề tổ chức và lưu trữ dữ liệu trên máy tính, tìm kiếm và trao đổi thông tin trên Internet, vấn đề an toàn thông tin).

Kỹ năng xử lý văn bản: soạn thảo và trình bày văn bản từ đơn giản đến tài liệu dài (thực hiện được cấu trúc một văn bản trong Microsoft Word, tạo mới, nhập văn bản, lưu trữ, sử dụng lại văn bản, copy, cut,... định dạng văn bản, mail messenger, sử dụng Template và Style.

Kỹ năng xử lý bảng tính căn bản: hiểu và thao tác thành thạo trên các thành phần giao diện của Microsoft Excel, nhập dữ liệu đúng, vận dụng một số hàm và các toán tử của Excel, biểu đồ.

Kỹ năng tạo trình chiếu: tạo và trình bày tập tin trình chiếu với PowerPoint, các hiệu ứng khi trình chiếu, in slide, Handout.

Kỹ năng xử lý CSDL (căn bản): tạo một CSDL, nhập dữ liệu và truy vấn trong cơ sở dữ liệu Access, tạo form và report đơn giản trong Access.

1.2.4. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Nhân viên tác nghiệp, quản trị tác nghiệp, giám sát, điều hành ở các bộ phận trực tiếp cung ứng dịch vụ, chuyên viên ở các bộ phận chức năng trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch, lữ hành, lưu trú, ăn uống vui chơi giải trí trong phạm vi quốc gia và quốc tế... Đặc biệt là các đối tác chiến lược Vietjet Air, Resort Ana Mandara, Resort Purama ... cam kết tuyển dụng sinh viên đúng ngành Quản trị kinh doanh và Du lịch tại Trường Đại học Hòa Bình và các doanh nghiệp khác.

Chuyên viên các đơn vị sự nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ du lịch và lữ hành, cơ quan quản lý nhà nước về du lịch và lữ hành, các tổ chức phi Chính phủ về Du lịch lữ hành, lưu trú du lịch trong phạm vi quốc gia và quốc tế.

Tạo lập/khởi nghiệp cơ sở kinh doanh mới trong lĩnh vực dịch vụ du lịch và lữ hành.

Tiếp tục học tập để phát triển cao hơn trong lĩnh vực quản lý, quản trị kinh doanh và du lịch.

2. Thời gian đào tạo: 04 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 130 tín chỉ (không bao gồm Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và Kỹ năng mềm).

TT	Nội dung	Số tín chỉ			Ghi chú
		Tổng	Lý thuyết	Thực hành	
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	39	31	8	
2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	81	35	46	
3	Kiến thức giáo dục thể chất	4			
4	Kiến thức giáo dục quốc phòng và an ninh	8			
5	Thực tập, khóa luận tốt nghiệp	10			

4. Đối tượng tuyển sinh

Thực hiện tuyển sinh theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo các quy định của Trường.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo theo học chế tín chỉ, sinh viên được tốt nghiệp khi tích lũy đủ số học phần, số tín chỉ quy định theo chương trình đào tạo và của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều kiện tốt nghiệp: Kết thúc khóa học, những sinh viên có đủ các điều kiện sau thuộc diện xét tốt nghiệp và được công nhận tốt nghiệp:

Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình đào tạo

Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0/4.0 trở lên

Điểm rèn luyện đạt từ loại khá trở lên

Có trình độ tiếng Anh tương đương trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo Dục và Đào Tạo (*Tương đương cấp độ B1 của CEFR-Khung tham chiếu ngôn ngữ chung của Hội đồng châu Âu*).

Có chứng tin học IC3

Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng

Có chứng chỉ giáo dục thể chất

Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời kỳ bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập

6. Thang điểm

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với hệ số tương ứng đã được thể hiện trong đề cương chi tiết học phần. Điểm học phần làm tròn đến một số thập phân.

Chuyển điểm thành điểm chữ và thang điểm 4 như sau :

	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt	9,0 – 10,0	A+	4
	8,5 – 8,9	A	3,7
	8,0 – 8,4	B+	3,5
	7,0 – 7,9	B	3,0
	6,5 – 6,9	C+	2,5
	5,5 – 6,4	C	2,0
	5,0 – 5,4	D+	1,5
	4,0 – 4,9	D	1,0
Không đạt	0,0 – 3,9	F	0

7. Chương trình đào tạo hệ đại học

7.1. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Loại tiết					Môn học tiên quyết (STT của môn học)
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm	Tự học	
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
	1	Khôi kiến thức giáo dục đại cương (39)							
	1.1	Lý luận chính trị							
1	11101	Những nguyên lý CBCN Mác Lênin 1	2	15	5	10			
2	11102	Những nguyên lý CBCN Mác Lênin 2	3	15	20	10			
3	11103	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	15	5	10			
4	11104	Đường lối CM ĐCSVN	3	15	20	10			
	1.2	Ngoại ngữ							
5	11401	Tiếng Anh 1	3	20	15	10			
6	11402	Tiếng Anh 2	3	20	15	10			
7	11403	Tiếng Anh 3	3	20	15	10			
	1.3	Khôi kiến thức Toán, Khoa học tự nhiên, Công nghệ và môi trường							
8	11701	Tin học đại cương	4	15	20	10			
9	11504	Xác suất và thống kê ứng dụng	3	15	20	10			
	1.4	Khôi kiến thức Khoa học Xã hội và nhân văn							
10	11201	Pháp luật đại cương	2	15	5	10			
11	11202	Lịch sử văn minh thế giới	2	15	5	10			
12	11204	Cơ sở Văn hóa Việt Nam	2	15	5	10			
13	11205	Tâm lý học đại cương	3	15	20	10			
14	11206	Xã hội học đại cương	2	15	10	5			
		Tự chọn	2						
15		Phương pháp nghiên cứu k.học	2						
16		Đánh giá tác động môi trường	2						
17		Toán cao cấp 1	2						
18		Tiến trình lịch sử Việt Nam	2						
	2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp							

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Loại tiết					Môn học tiên quyết (STT của môn học)
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm	Tự học	
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
	2.1	Kiến thức cơ sở ngành	20						
19	13101	Kinh tế học	3	15	20	10			
20	13102	Quản trị học	3	15	20	10			
21	13103	Nguyên lý kế toán	3	15	20	10			
22	13104	Quản trị nguồn nhân lực du lịch	3	15	20	10			
23	13105	Định hướng nghề nghiệp quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	2	15		15			
24	13106	Địa lý du lịch	2	20	5	5			
25	13107	Kiến tập nhận thức ngành, nghề nghiệp quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	4						
	2.2	Kiến thức ngành (36)							
		Kiến thức bắt buộc	32						
26	13108	Kinh tế du lịch	2	15	5	10			
27	13109	Marketing du lịch	3	15	10	5			
28	13110	Hành vi người tiêu dùng du lịch	2	15	5	10			
29	13111	Thanh toán quốc tế trong du lịch	2	15	10	5			
30	13112	Quản trị điểm đến du lịch	2	15	5	10			
31	13113	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	30	10	5			
32	13114	Hướng dẫn du lịch	2	15	10	5			
33	13115	Tâm lý du khách và giao tiếp trong kinh doanh du lịch	2	15	5	10			
34	13116	Du lịch điện tử	2	15	15				
35	13117	Tiếng Anh du lịch	3	15	30				
36	13118	Kiến thực tập nghiệp vụ thiết kế, điều hành, hướng dẫn, marketing và bán sản phẩm du lịch	9						
		Tự chọn	4						
37	13119	Du lịch sinh thái	2	15	5	10			
38	13120	Tuyên điểm du lịch Việt Nam	2	15	5	10			

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Loại tiết					Môn học tiên quyết (STT của môn học)
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm	Tự học	
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
39	13121	Quản trị dịch vụ vận chuyên	2	15	10	5			
40	13122	Quản trị sự kiện	2	15	10	5			
	2.3	Kiến thức chuyên ngành	17						
41	13123	Quản trị kinh doanh lưu trú	3	30	10	5			
42	13124	Nghiệp vụ ăn uống	2	15	15				
43	13125	Nghiệp vụ lễ tân	2	15	15				
44	13126	Nghiệp vụ buồng	2	15	15				
45	13127	Kiến, thực tập nghiệp vụ lưu trú du lịch	6						
46	13128	Tự chọn	2						
47	13129	Quản trị khách sạn nhỏ	3	15	5	5	20		
48	13130	Văn hóa ẩm thực	2	15		15			
49	13131	Pháp luật trong kinh doanh du lịch	2	15		15			
50	13132	Quản trị an ninh an toàn trong kinh doanh lưu trú	2	15	10	5			
51	13133	Thực tập 1 – Tác nghiệp kinh doanh dịch vụ lễ hành hoặc lưu trú du lịch	4						
52	13134	Thực tập 2 – Quản trị tác nghiệp kinh doanh dịch vụ lễ hành/lưu trú du lịch	4						
	2.4	Khóa luận tốt nghiệp	10						
3. Kiến thức không tích lũy									
53		Giáo dục thể chất		Cấp chứng chỉ					
54		Giáo dục quốc phòng - An ninh		Cấp chứng chỉ					
55		Kỹ năng mềm 1,2	4						

7.2. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Kế hoạch dạy học kỳ									
				1	2	3	4	5	6	7	8		
		KIẾN THỨC TOÀN KHÓA	130										
	1	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	39										
		<i>Kiến thức đại cương bắt buộc</i>	<i>37</i>										
	1.1	Lý luận chính trị	10										
1	11101	Những nguyên lý CBCN Mác Lênin1	2	2									
2	11102	Những nguyên lý CBCN Mác Lênin2	3		3								
3	11103	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		2								
4	11104	Đường lối CM ĐCSVN	3			3							
	1.2	Ngoại ngữ	9										
5	11401	Tiếng Anh 1	3	3									
6	11402	Tiếng Anh 2	3		3								
7	11403	Tiếng Anh 3	3			3							
	1.3	Kiến thức Toán , Công nghệ , Tự nhiên	7										
8	11701	Tin học đại cương	4	4									
9	11504	Xác suất và thống kê ứng dụng	3		3								
	1.4	Khối kiến thức Khoa học Xã hội và Nhân văn	11										
10	11201	Nhà nước và Pháp luật đại cương	2	2									
11	11202	Lịch sử văn minh thế giới	2				2						
12	11204	Cơ sở Văn hóa Việt Nam	2		2								
13	11205	Tâm lý học đại cương	3			3							
14	11206	Xã hội học đại cương	2		2								
		<i>Kiến thức đại cương tự chọn (Chọn 2 học phần)</i>	2	2									
15		Phương pháp nghiên cứu khoa học	2										
16		Đánh giá tác động môi trường	2										
17		Toán cao cấp 1	2										
18		Tiền trình lịch sử Việt Nam	2										

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Kế hoạch dạy học kỳ									
				1	2	3	4	5	6	7	8		
	2	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP											
	2.1	Kiến thức cơ sở ngành	20										
19	13101	Kinh tế học	3			3							
20	13103	Quản trị học	3				3						
21	13105	Nguyên lý kế toán	3			3							
22	13106	Quản trị nguồn nhân lực du lịch	3					3					
23	13108	Định hướng nghề nghiệp quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	2	2									
24	13109	Địa lý du lịch	2		2								
25		<i>Kiến tập nhận thức ngành, nghề nghiệp quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành**</i>	4			4							
	2.2	Kiến thức ngành	36										
		Kiến thức ngành bắt buộc	32										
26	13110	Kinh tế du lịch	2		2								
27	13111	Marketing du lịch	3				3						
28	13112	Hành vi người tiêu dùng du lịch	2				2						
29	13113	Thanh toán quốc tế trong DL	2				2						
30		Quản trị điểm đến du lịch	2						2				
31	13201	Quản trị kinh doanh lữ hành	3					3					
32	13205	Hướng dẫn du lịch	2					2					
33	13213	Tâm lý du khách và giao tiếp trong kinh doanh du lịch	2					2					
34	13207	Du lịch điện tử	2				2						
35	11404	Tiếng Anh du lịch	3				3						
36		<i>Kiến thực tập nghiệp vụ thiết kế, điều hành, hướng dẫn, marketing và bán sản phẩm du lịch *</i>	9						9				
		Kiến thức ngành tự chọn	4								4		

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Kế hoạch dạy học kỳ									
				1	2	3	4	5	6	7	8		
		(Chọn 2 trong 4 học phần)											
37	13208	Du lịch sinh thái	2										
38	13208	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	2										
39	13208	Quản trị dịch vụ vận chuyển	2										
40	13210	Quản trị sự kiện	2										
	2.3	Kiến thức chuyên ngành	17										
		<i>Kiến thức chuyên ngành bắt buộc</i>	15										
41	13202	Quản trị kinh doanh lưu trú	3					3					
42	13203	Nghiệp vụ ăn uống	2					2					
43	13204	Nghiệp vụ lễ tân	2						2				
44	13206	Nghiệp vụ buồng	2					2					
45		<i>Kiến , thực tập nghiệp vụ lưu trú du lịch *</i>	6								6		
		<i>Kiến thức chuyên ngành tự chọn (Chọn 1 trong 4 học phần)</i>	2						2				
46	13214	Quản trị khách sạn nhỏ	3										
47	13212	Văn hóa ẩm thực	2										
48	13213	Pháp luật trong kinh doanh du lịch	2										
49	13213	Quản trị an ninh an toàn trong kinh doanh lưu trú	2										
	2.4	Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp **	18										
50	13216	Thực tập 1 – Tác nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành hoặc lưu trú du lịch	4								4		
51	13217	Thực tập 2 – Quản trị tác nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành /lưu trú du lịch	4									4	
52	13218	Khóa luận/ chuyên đề tốt nghiệp	10										10
		<i>Phân bổ số học phần mỗi kỳ</i>		6	8	6	6	7	4	4	4	2	
		<i>Phân bổ số tín chỉ mỗi kỳ</i>		15	19	19	17	17	15	14	14	14	

Dự thảo kế hoạch tổ chức thực hiện các học phần kiến thực tập tại doanh nghiệp và có các chuyên gia trực tiếp tham gia đào tạo

STT	Tên học phần kiến , hực tập	Thời lượng	Thời gian thực hiện (Dự kiến)	Nội dung kiến / thực tập	Địa điểm	Tổ chức Người hướng dẫn
1	<i>Kiến tập nhận thức ngành và nghề quản trị du lịch và lữ hành**</i>	4TC= 240 giờ	Từ tuần thứ 3 tháng Ba đến tuần thứ 3 tháng Tư <u>KỶ 3</u>	Quan sát các thành phần điều kiện phát triển du lịch, công việc cụ thể, sản phẩm du lịch, thị trường, tổ chức quản lý, định hướng phát triển nghề nghiệp của bản thân	Điểm du lịch/ tổ chức/ doanh nghiệp du lịch	Mỗi cơ sở từ 6-10 SV Giảng viên Chuyên gia. Đánh giá sinh viên và thù lao 50:50
2	<i>Kiến, thực tập nghiệp vụ thiết kế, điều hành, hướng dẫn du lịch, marketing và bán sản phẩm du lịch*</i>	9 TC= 540 giờ	<u>15/6 đến 30/ 8</u> <u>KỶ 6</u>	Quan sát , thực tập thiết kế TOUR, điều hành và hướng dẫn, đặt giữ chỗ dịch vụ lữ hành, bán sản phẩm, dịch vụ du lịch	Tổ chức / doanh nghiệp du lịch / đại lý lữ hành,	Mỗi cơ sở 6-10. Chuyên gia Chuyên gia đánh giá và hưởng thù lao theo định mức
3	<i>Kiến, thực tập nghiệp vụ lưu trú du lịch*</i>	6 TC= 360 giờ	<u>KỶ 7</u>	Quan sát, thực tập các nghiệp vụ lễ tân , buồng, bàn,	Cơ sở kinh doanh lưu trú du lịch	Mỗi cơ sở 6-10 SV Chuyên gia Chuyên gia đánh giá và hưởng thù lao theo định mức
4,	<i>Thực tập 1 – Tác nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành / kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch **</i>	4 TC= 240 giờ	<u>15/8 đến 15/10</u> <u>KỶ 7</u>	- Thực tập tác nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nếu cơ sở thực tập là doanh nghiệp lữ hành - Thực tập tác nghiệp kinh doanh lưu trú nếu cơ sở thực tập là doanh nghiệp lưu trú	Cơ sở kinh doanh lữ hành , lưu trú du lịch	Mỗi cơ sở từ 6-10 SV Giảng viên Chuyên gia. Đánh giá sinh viên và thù lao 30:70
5	<i>Thực tập 2 – Quản trị tác nghiệp kinh doanh dịch vụ</i>	4TC= 240	<u>16/10 đến 16/12</u>	- Thực tập quản trị tác nghiệp kinh doanh dịch	Cơ sở kinh	Mỗi cơ sở từ 6-10

	<i>lữ hành / kinh doanh vụ lưu trú du lịch**</i>	giờ	<u>KỶ 8</u>	vụ lữ hành nếu cơ sở thực tập là doanh nghiệp lữ hành - Thực tập quản trị tác nghiệp kinh doanh lưu trú nếu cơ sở thực tập là doanh nghiệp lưu trú	doanh lữ hành, lưu trú du lịch	SV Giảng viên Chuyên gia. Đánh giá sinh viên và thù lao 30:70
6	<i>Khóa luận/ chuyên đề tốt nghiệp**</i>	10 TC= 600 giờ	02/1 đến 02/4 <u>KỶ 8</u>	Tùy thuộc vào loại cơ sở thực tập để chọn đề tài khóa luận cho phù hợp	Cơ sở kinh doanh lữ hành, lưu trú du lịch	Mỗi cơ sở từ 6-10 SV Giảng viên Chuyên gia. Đánh giá sinh viên và thù lao 70:30

8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

8.1. Định hướng xây dựng và phát triển chương trình đào tạo

Chương trình này được xây dựng trên cơ sở chương trình khung của Bộ Giáo dục và đào tạo quy định và được Hiệu trưởng Trường Đại học Hòa Bình phê duyệt. Khi thực hiện chương trình này cần chú ý:

- Các học phần bắt buộc phải thực hiện đầy đủ
- Các chuyên đề tự chọn có thể thay đổi theo yêu cầu thực tế của ngành nhằm giúp sinh viên ra trường phục vụ tốt lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch lữ hành và khác sạn
- Các học phần phải được thực hiện sao cho kiến thức học phần trước phục vụ tốt cho việc học các học phần sau.
- Tăng cường việc áp dụng các phương pháp dạy học mới, tăng cường tính tích cực, năng động, sáng tạo của sinh viên, chú trọng công tác thực hành, thực tập, thực tế, khả năng làm việc theo nhóm để sinh viên tiếp cận thực tế ngành nghề. Bảo đảm thời gian thực hành/ thực tế của sinh viên tại cơ sở kinh doanh đã ký kết là 1000 giờ trong toàn khóa học (có xác nhận của cơ sở/giảng viên giảng dạy học phần)

- Để xây dựng chương trình chi tiết cần lưu ý:

Giờ quy đổi tính như sau:

1 tín chỉ = 15 tiết giảng lý thuyết hoặc thảo luận trên lớp.

= 30 giờ thí nghiệm, thực hành.

= 45 giờ thực hiện đề án hoặc khóa luận tốt nghiệp.

= 60 giờ thực tập tại xí nghiệp, công ty.

Số giờ của các học phần là bội số của 15.

- Để xây dựng đề cương môn học (làm căn cứ để giảng viên biên soạn giáo trình thực hiện giảng dạy) cần lưu ý:

+ Trình tự triển khai giảng dạy các học phần phải đảm bảo tính logic của việc truyền thụ và tiếp thu các mảng kiến thức. Mỗi học phần cần quy định các học phần tiên quyết và các học phần kế tiếp được thực hiện trong chương trình đào tạo.

+ Về nội dung : nội dung trong chương trình là những nội dung cốt lõi của học phần. Tùy theo từng chuyên ngành cụ thể có thể bổ sung thêm nội dung hay thời lượng cho một học phần nào đó. Phần thời lượng thêm vào được lấy từ thời lượng của phần tự chọn của khối kiến thức tương ứng.

+ Nội dung các học phần cần có tỷ lệ thỏa đáng giữa phần tạo nên kiến thức, phần tạo nên kỹ năng ứng dụng, phần tạo nên năng lực sáng tạo và tự học

+ Về số tiết học của học phần: ngoài thời lượng giảng dạy trên lớp theo kế hoạch giảng dạy cho các học phần, nhà trường còn quy định thêm số tiết tự học để sinh viên củng cố kiến thức đã học của học phần.

+ Về yêu cầu thực hiện số lượng và hình thức bài tập (nếu có) của các học phần do giảng viên quy định nhằm giúp sinh viên nắm vững kiến thức lý thuyết, rèn luyện các kỹ năng thiết yếu.

+ Tất cả các học phần đều phải có giáo trình hoặc bài giảng, tài liệu tham khảo, bài hướng dẫn ... đã in sẵn cung cấp cho sinh viên. Tùy theo điều kiện thực tế của trường, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ : giảng viên thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành ... hoặc giảng viên nêu vấn đề tại lớp sau khi xem phim, video tại phòng máy và sinh viên về nhà viết thu hoạch. ...

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, mã số 52340103 trình độ đào tạo đại học chính quy. Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa 134 tín chỉ(không bao gồm kiến thức giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất). Trong đó kiến thức giáo dục đại cương là 51 tín chỉ. Kiến thức giáo dục chuyên ngành 81 tín chỉ. Trong đó kiến thức chuyên ngành bắt buộc là 67 tín chỉ (thực tập 14 tín chỉ). Kiến thức chuyên nghiệp tự chọn là 09 tín chỉ, thời gian đào tạo trung bình 4 năm. Thu học phí theo tín chỉ theo quy định của Trường Đại học Hòa Bình. Phần chi phí đi thực tế (thực hành) theo đề cương chi tiết các học phần thu riêng. Dự kiến chi phí ngày/sinh viên theo đơn giá hiện hành. Bao gồm chi phí vận chuyển, lưu trú, ăn và vé vào cổng, báo cáo viên.

Học phí toàn khóa= Số tín chỉ*Đơn giá + Chi phí đi thực tế

Đối với các đơn vị đào tạo:

Phải nghiên cứu chương trình khung để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình. Bố trí thời gian tất cả các học phần lý thuyết, thực hành phải kết thúc trong 6 kỳ đầu (từ kỳ 1 đến hết kỳ 6 – hết năm thứ ba). Kỳ thứ 7 và 8 là thực tập tại cơ sở và viết báo cáo thực tập.

Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp đề cương chi tiết học phần cho giảng viên để đảm bảo thống nhất nội dung giảng dạy và phương pháp đánh giá.

Chuẩn bị đội ngũ cố vấn học tập chuyên nghiệp

Chuẩn bị đầy đủ học liệu, điều kiện dạy – học theo yêu cầu của chương trình đào tạo

Tuân thủ tính logic trong sắp xếp các học phần và thời khóa biểu

Chuẩn bị giảng viên để giảng dạy các học phần tự chọn

Đối với giảng viên:

Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết của từng học phần để chuẩn bị bài giảng, phương pháp và học liệu phù hợp

Giảng viên phải cung cấp đầy đủ đề cương chi tiết học phần và giới thiệu học liệu bắt buộc cho sinh viên chậm nhất là tuần thứ hai của học phần

Kiểm tra và đánh giá theo đề cương chi tiết của học phần đã được phê duyệt

Đối với sinh viên

Phải thường xuyên tham khảo ý kiến, tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần phù hợp đúng tiến độ và khối lượng quy định của một kỳ. Đọc kỹ đề cương chi tiết để thực hiện các nội dung và yêu cầu của học phần và kiểm soát giảng viên xem có thực hiện đúng như đề cương chi tiết đã được phê duyệt trong học phần không, để kịp thời phản ánh với cố vấn học tập hoặc trực tiếp với giảng viên hoặc bộ môn quản lý học phần. Đòi hỏi tính tự giác chủ động cao của sinh viên trong học tập theo học chế tín chỉ.

Hướng dẫn về thực tập viết báo cáo chuyên đề thực tập tốt nghiệp (không làm khóa luận hoặc thi tốt nghiệp hoặc học thêm chuyên đề)

1. Tất cả sinh viên đều phải đăng ký nghiên cứu và viết báo cáo chuyên đề thực tập

2. Điều kiện để sinh viên được đi thực tập, viết chuyên đề thực tập tốt nghiệp:

a) Tích lũy được ít nhất 75% tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo;

b) Thỏa mãn các điều kiện tiên quyết của học phần chuyên đề thực tập;

c) Đang trong thời gian tối đa hoàn thành chương trình theo quy định;

d) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

e) Hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ học phí theo quy định của Trường.

3. Thời gian đăng ký thực tập và viết chuyên đề thực tập

- Sinh viên đủ điều kiện, làm đơn đăng ký thực tập. Trường khoa xét danh sách sinh viên đủ điều kiện thực tập và gửi báo cáo về Trường (*qua Phòng Đào tạo*).

- Trường khoa căn cứ kế hoạch của Trường, ban hành Quy định cụ thể kế hoạch của đợt thực tập, thời gian nộp chuyên đề và tổ chức kiểm tra thực hiện kế hoạch của đơn vị mình; tổ chức cho sinh viên đăng ký thực tập trong tuần đầu của đợt thực tập; tổ chức báo cáo các chuyên đề mới cho sinh viên.

- Trưởng khoa chủ trì, thống nhất với các Trưởng bộ môn phân công giảng viên chỉ đạo thực tập, chuyên đề thực tập.

4. Địa điểm thực tập

Trưởng khoa quy định cụ thể về việc sinh viên phải có địa điểm thực tập theo như đã ký kết của nhà trường với các nhà tuyển dụng, kết thúc đợt thực tập phải có xác nhận của cơ sở thực tập và đánh giá của người hướng dẫn tại doanh nghiệp.

5. Kết cấu chuyên đề thực tập

Trưởng khoa quy định kết cấu chuyên đề thực tập, số trang của chuyên đề thực tập nhưng không dưới 40 trang (*không kể phụ lục*).

Chuyên đề thực tập phải được trình bày theo phông chữ Times New Roman cỡ chữ 13, cách dòng 1,3; kiểu gõ (*bảng mã Unicode*); kích thước lề trên và dưới 25mm; lề trái 35mm; lề phải 25mm.

6. Giảng viên hướng dẫn sinh viên thực tập, viết báo cáo chuyên đề thực tập

a) Giảng viên hướng dẫn sinh viên thực tập phải thỏa mãn ít nhất một trong các điều kiện sau: Đã giảng dạy các học phần chuyên ngành từ 5 năm trở lên; có trình độ thạc sỹ hoặc tiến sỹ đúng chuyên ngành. Giảng viên kiêm giảng, cán bộ quản lý, nghiên cứu sinh ngoài trường được mời hướng dẫn chuyên đề thực tập phải đáp ứng những điều kiện quy định này;

b) Mỗi giảng viên hướng dẫn không quá 15 chuyên đề thực tập trong mỗi đợt thực tập.

7. Quy trình hướng dẫn sinh viên

Giảng viên hướng dẫn sinh viên thực tập, hướng dẫn sinh viên viết chuyên đề thực tập theo các bước sau đây:

- Hướng dẫn sinh viên, nhóm sinh viên lựa chọn và đăng ký các đề tài nghiên cứu,
- Duyệt bản đề cương sơ bộ và đề cương chi tiết;
- Hướng dẫn sinh viên thu thập số liệu, tài liệu tham khảo, tình hình và xử lý số liệu tình hình phục vụ cho việc viết chuyên đề thực tập;
- Viết bản thảo;
- Sửa bản thảo;
- Hoàn thiện chuyên đề thực tập;
- Chấm chuyên đề thực tập;
- Phối hợp thanh tra chuyên đề thực tập.

8. Chấm chuyên đề thực tập

a) Như hướng dẫn trong học phần thực tập 1 và 2 .

b) Điểm thực tập bao gồm : Điểm thực tập 1 và Điểm thực tập 2

c) Điểm chuyên đề thực tập là cộng điểm của giảng viên hướng dẫn và cán bộ hướng dẫn tại cơ sở như quy định ở các học phần thực tập 1 và thực tập 2

d) Kết quả chấm chuyên đề thực tập được công bố chậm nhất là 2 tuần lễ, kể từ ngày sinh viên nộp chuyên đề thực tập;

đ) Điểm của chuyên đề thực tập được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của sinh viên toàn khoá học;

e) Sinh viên thuộc một trong các trường hợp sau phải nhận điểm 0, phải đăng ký thực tập lại và nộp học phí theo quy định của Trường:

- Nộp chuyên đề, chậm so với thời gian quy định của Khoa;
- Không thực hiện việc viết đề cương sơ bộ, đề cương chi tiết, bản thảo chuyên đề thực tập theo hướng dẫn của giảng viên, không gặp giáo viên trong quá trình thực tập; không có nhận xét đánh giá của cán bộ tại cơ sở thực tập.

g) Trưởng bộ môn ký tên vào Bảng điểm chuyên đề; photocopy 01 bản để nhập điểm và lưu trữ; đồng thời nộp bảng điểm gốc cho Phòng Đào tạo;

h) Chế độ chấm chuyên đề thực tập, theo quy định của Quy chế thu chi nội bộ.

9. Kéo dài thời gian thực tập hoặc thời gian viết chuyên đề thực tập

Trường hợp có lý do chính đáng, không thể hoàn thành thực tập, viết chuyên đề thực tập trong thời gian quy định ban đầu, sinh viên phải kịp thời báo cáo với giáo viên hướng dẫn, Trưởng khoa để được kéo dài thời gian thực tập, viết chuyên đề thực tập. Trưởng khoa xem xét đề nghị của sinh viên, giáo viên hướng dẫn và thông báo với Nhà trường (*qua Phòng Đào tạo*). Thời gian kéo dài không quá 7 tuần.

8.2. Phương pháp giảng dạy

Chú trọng ứng dụng phương pháp dạy học tích cực, khai thác và ứng dụng các công nghệ hiện đại, mở rộng phạm vi tương tác giảng viên - sinh viên, giúp sinh viên thể hiện được tính chủ động và được định hướng nghề nghiệp chuyên sâu. Chú trọng cung cấp kiến thức, kỹ năng đáp ứng được nhu cầu thực tế của xã hội.

8.2.1. Hoạt động dạy và học

Lý thuyết: do giảng viên có đủ trình độ và kinh nghiệm phụ trách, giảng đường có đầy đủ thiết bị dạy học (máy chiếu, bảng viết, micro, kết nối mạng,...).

Bài tập: Tổ chức thành các nhóm dưới 15 sinh viên, giờ bài tập là để củng cố kiến thức về môn học.

Tăng cường số lượng và chất lượng giờ học thực hành với các trang thiết bị đủ về số lượng, chất lượng thiết bị đáp ứng yêu cầu môn học;

Nguyên tắc chủ đạo của việc đánh giá kết quả học tập môn học phù hợp với phương thức đào tạo theo Tín chỉ là đánh giá thường xuyên kết hợp với đánh giá định kỳ;

Bảo đảm tất cả nội dung môn học đều phải được đưa vào cần kiểm tra, đánh giá thường xuyên hoặc định kỳ;

Tăng cường seminar, thảo luận tại lớp;

Tăng thực tập chuyên đề, làm bài tập lớn có kiểm tra, đánh giá.

8.2.2. Tài liệu và dịch vụ hỗ trợ

Sách: mỗi môn học có tối thiểu một sách tham khảo chính và một số sách đọc

thêm.

Bài giảng, slide: bài giảng, slide được cung cấp dưới dạng tài liệu điện tử qua website để sinh viên có thể tự truy cập và lấy tài liệu.

8.2.3. Kiểm tra giám sát dạy và học:

Giám sát hoạt động dạy-học đối với toàn bộ khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. Kiểm tra việc dạy đúng, dạy đủ chương trình.

Điều tra ý kiến sinh viên về sự tương thích giữa nội dung giảng dạy trên lớp với đề cương môn học; mức độ tiếp thu của sinh viên, phương pháp giảng dạy của giảng viên.

Việc lấy ý kiến sinh viên được thực hiện và tổng kết một cách định kỳ (cuối học kỳ) nhằm điều chỉnh cách dạy và học tốt hơn. Ngoài ra cho phép sinh viên được đề xuất, thảo luận về phương pháp dạy học đến thầy, bộ môn, Khoa trong quá trình giảng dạy nhằm điều chỉnh ngay những bất cập.

8.2.4. Kiểm tra - đánh giá

Kết quả học tập được đánh giá bằng bài tập, các bài kiểm tra thường xuyên, bài thi giữa kỳ và bài thi cuối kỳ.

Việc đánh giá kiểm tra kiến thức môn học sẽ được áp dụng nhiều phương pháp khác nhau, tùy thuộc vào nội dung từng môn học và trong đề cương chi tiết môn học sẽ đặc tả rõ những hình thức đánh giá kiến thức của sinh viên.

HIỆU TRƯỞNG

NGND.PGS.TS. Tô Ngọc Hưng



BẢNG ĐỐI CHIẾU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	Học phần	Đại học	Cao đẳng	Kiến thức phải hoàn thiện
1	Khối kiến thức chung	51	30	24
1	Những nguyên lý CBCN Mác Lênin 1	2	0	2
2	Những nguyên lý CBCN Mác Lênin 2	3	0	3
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	0	2
4	Đường lối CM ĐCSVN	3	0	3
5	Tiếng Anh 1	8	8	0
6	Tiếng Anh 2	8	8	0
7	Tiếng Anh 3	8	8	0
8	Tin học đại cương	3	0	3
9	Toán cao cấp	2	0	2
10	Xác suất và thống kê ứng dụng	3	0	3
11	Nhà nước và Pháp luật đại cương	2	2	0
12	Lịch sử văn minh thế giới	2	2	0
13	Cơ sở Văn hóa Việt Nam	2	2	0
14	Tâm lí học đại cương	3	3	0
15	Điều tra xã hội học	3	3	0
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	39	19	20
16	Kinh tế vi mô	3	0	3
17	Kinh tế vĩ mô	3	0	3
18	Quản trị học	3	0	3
19	Luật kinh tế	3	0	3
20	Nguyên lý kế toán	3	0	3
21	Quản trị nguồn nhân lực ngành khách sạn	3	3	0
22	Quản trị chiến lược	3	0	3
23	Định hướng nghề nghiệp quản trị	2	2	0

STT	Học phần	Đại học	Cao đẳng	Kiến thức phải hoàn thiện
	du lịch			
24	Địa lý du lịch	3	3	0
25	Kinh tế du lịch	3	3	0
26	Marketing du lịch	3	3	0
27	Hành vi người tiêu dùng du lịch	3	3	0
26	Thanh toán quốc tế trong DL	2	2	0
2.2	Kiến thức chung của chuyên ngành			
2.2.1	Kiến thức bắt buộc	21	21	0
29	Quản trị kinh doanh lễ hành	3	3	0
30	Quản trị kinh doanh lưu trú	3	3	0
31	Quản trị nghiệp vụ ăn uống	3	3	0
32	Quản trị nghiệp vụ lễ tân	3	3	0
33	Hướng dẫn du lịch	3	3	0
34	Quản trị nghiệp vụ buồng	3	3	0
35	Du lịch điện tử	3	3	0
36	Tiếng Anh du lịch	3	3	0
2.2.2	Kiến thức tự chọn của các chuyên ngành	12	12	0
2.2.2.1	Chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lễ hành (Chọn 12TC)			
37	Du lịch sinh thái	2	2	0
38	Du lịch văn hóa	2	2	0
39	Quản trị sự kiện	2	2	0
40	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	3	3	0
41	Thực hành Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	3	3	0
42	Tâm lý du khách và giao tiếp trong kinh doanh du lịch	2	2	0
43	Pháp luật trong kinh doanh du lịch	2	2	0
2.2.2.2	Chuyên ngành Quản trị hướng dẫn du lịch (Chọn 12TC)			
37	Tuyến điểm du lịch Việt Nam	2	2	0
38	Pháp luật trong kinh doanh du lịch	2	2	0
39	Hệ thống di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng Việt Nam	3	3	0

STT	Học phần	Đại học	Cao đẳng	Kiến thức phải hoàn thiện
40	Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch	2	2	0
41	Lễ hội Việt Nam	2	2	0
42	Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn	3	3	0
43	Văn hóa ẩm thực	2	2	0
2.2.2.3	Chuyên ngành Quản trị du lịch cộng đồng (Chọn 12TC)			
37	Phát triển du lịch cộng đồng	3	3	0
38	Du lịch có trách nhiệm	2	2	0
39	Thực hành tổ chức kinh doanh du lịch cộng đồng	3	3	0
40	Du lịch sinh thái	2	2	0
41	Du lịch văn hóa	2	2	0
42	Pháp luật trong kinh doanh du lịch	2	2	0
43	Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch	2	2	0
2.2.2.4	Chuyên ngành Quản trị lưu trú du lịch (Chọn 12TC)			
37	Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch	2	2	0
38	Pháp luật trong kinh doanh du lịch	2	2	0
39	Lý thuyết pha chế đồ uống	2	2	0
40	Thực hành kinh doanh lưu trú	3	3	0
41	Văn hóa ẩm thực	2	2	0
42	Quản trị an ninh an toàn trong kinh doanh lưu trú	2	2	0
43	Quản trị khách sạn nhỏ (Thực hành tại khách sạn Hà Nội)	3	3	0
44	Marketing và bán sản phẩm lưu trú	2	2	0
2.2.2.5	Chuyên ngành Quản trị dịch vụ lữ hành (Chọn 12TC)			
37	Quản trị dịch vụ vận chuyển	3	3	0
38	Quản trị du thuyền	2	2	0

STT	Học phần	Đại học	Cao đẳng	Kiến thức phải hoàn thiện
39	Đại lí lữ hành	2	2	0
40	Thực hành đại lí lữ hành	3	3	0
41	Pháp luật trong kinh doanh du lịch	2	2	0
42	Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch	2	2	0
43	Tuyển điếm du lịch Việt Nam	2	2	0
44	Lễ hội Việt Nam	2	4	0
45	<i>Thực tập 2 – Quản trị tác nghiệp</i>	4	4	0
46	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>	6	6	0
	<i>Tổng cộng toàn khóa</i>	130	94	36

ĐỐI CHIẾU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH
Trình độ Đại học
(Dành cho đối tượng đã tốt nghiệp Cao đẳng)

1. Nội dung chương trình

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Loại tiết					Môn học tiên quyết (STT của môn học)
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm	Tự học	
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
	1	Khối kiến thức giáo dục đại cương (21)							
	1.1	Ngoại ngữ							
1	11401	Tiếng Anh 1	3	20	15	10			
2	11402	Tiếng Anh 2	3	20	15	10			
3	11403	Tiếng Anh 3	3	20	15	10			
	1.2	Khối kiến thức Khoa học Xã hội và nhân văn							
4	11203	Nhà nước và Pháp luật đại cương	2	15	5	10			
5	11202	Lịch sử văn minh thế giới	2	15	5	10			
6	11204	Cơ sở Văn hóa Việt Nam	2	15	5	10			
7	11205	Tâm lí học đại cương	3	15	20	10			
8	11206	Điều tra xã hội học	3	15	20	10			
	2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (55)							
	2.1	Kiến thức cơ sở ngành		19					
9	13106	Quản trị nguồn nhân lực ngành khách sạn	3	15	10	10	10		
10	13107	Định hướng nghề nghiệp quản trị du lịch	2	15	5	10			
11	13108	Địa lý du lịch	3	15	10	10	10		
12	13109	Kinh tế du lịch	3	15	20	10			
13	13110	Marketing du lịch	3	15	10	10	10		

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Loại tiết					Môn học tiên quyết (STT của môn học)
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm	Tự học	
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
14	13111	Hành vi người tiêu dùng du lịch	3	15	20	10			
15	13112	Thanh toán quốc tế trong DL	2	15	5	10			
	2.2	Kiến thức chung của chuyên ngành							
	2.2.1	Kiến thức bắt buộc	24						
16	13201	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	15	20	10			
17	13202	QTKD lưu trú(Thực hành tại khách sạn HN)	3	15	10		20		
18	13203	Quản trị nghiệp vụ ăn uống	3	15	10	10	10		
19	13204	Quản trị nghiệp vụ lễ tân (Thực hành tại Doanh nghiệp du lịch)	3	15	10		20		
20	13205	Hướng dẫn du lịch (Thực hành tại địa điểm du lịch HN)	3	15	20		20		
21	13206	Quản trị nghiệp vụ buồng	3	15	10	10	10		
22	13207	Du lịch điện tử	3	15	10	10	10		
23	11404	Tiếng Anh du lịch	3	15	10	10	10		
	2.2.2	Kiến thức tự chọn của các chuyên ngành							
	2.2.2.1	Chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (Chọn 12TC)							
24	13208	Du lịch sinh thái	2	15	20	10			
25	13209	Du lịch văn hóa	2	15	20	10			
26	13210	Quản trị sự kiện (Thực hành tại khách sạn Hà Nội)	2	15	20	10			
27	13211	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	3	15	15	15			
28	13212	Thực hành Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	3				45		
29	13213	Tâm lí du khách và giao tiếp trong kinh doanh du lịch	2	15	20	10			
30	13214	Pháp luật trong kinh doanh du lịch	2	15	10		20		

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Loại tiết					Môn học tiên quyết (STT của môn học)
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm	Tự học	
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
2.2.2.2 Chuyên ngành Quản trị hướng dẫn du lịch (Chọn 12TC)									
24	13208	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	2	15	20	10			
25	13209	Pháp luật trong kinh doanh du lịch	2	15	20	10			
26	13210	Hệ thống di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng Việt Nam	3	15	10	10	10		
27	13211	Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch	2	15	10	10	10		
28	13212	Lễ hội Việt Nam	2	15	20	10			
29	13213	Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn	3				45		
30	13214	Văn hóa ẩm thực	2	15	10		20		
2.2.2.3 Chuyên ngành Quản trị du lịch cộng đồng (Chọn 12TC)									
24	13208	Phát triển du lịch cộng đồng	3	15	20	10			
25	13209	Du lịch có trách nhiệm	2	15	10	10	10		
26	13210	Thực hành tổ chức kinh doanh du lịch cộng đồng	3	15			35		
27	13211	Du lịch sinh thái	2	15	20	10			
28	13212	Du lịch văn hóa	2	15	20	10			
29	13213	Pháp luật trong kinh doanh du lịch	2	15	10	10	10		
30	13214	Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch	2	15	10		20		
2.2.2.4 Chuyên ngành Quản trị lưu trú du lịch(Chọn 12TC)									
24	13208	Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch	2	15	20	10			
25	13209	Pháp luật trong kinh doanh du	2	15	10	10	10		

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Loại tiết					Môn học tiên quyết (STT của môn học)
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm	Tự học	
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
		lịch							
26	13210	Lý thuyết pha chế đồ uống	2	15	20	10			
27	13211	Thực hành kinh doanh lưu trú	3				45		
28	13212	Văn hóa ẩm thực	2	15	20	10			
29	13213	Quản trị an ninh an toàn trong kinh doanh lưu trú	2	15	10		20		
30	13214	Quản trị khách sạn nhỏ (Thực hành tại khách sạn Hà Nội)	3	15	20	10			
31	13215	Marketing và bán sản phẩm lưu trú	2	15	10	10	10		
	2.2.2.5	Chuyên ngành Quản trị dịch vụ lữ hành(Chọn 12TC)							
24	13208	Quản trị dịch vụ vận chuyển	3	15	20	10			
25	13209	Quản trị du thuyền	2	15	20	10			
26	13210	Đại lý lữ hành	2	15		15			
27	13211	Thực hành đại lý lữ hành	3				45		
28	13212	Pháp luật trong kinh doanh du lịch	2	15	10	10	10		
29	13213	Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch	2	15	20	10			
30	13214	Tuyến điểm du lịch Việt Nam	2	15	20	10			
31	13215	Lễ hội Việt Nam	2	15	10		20		
	2.3	Thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp							
32	<i>13216</i>	<i>Thực tập 1 – Tác nghiệp</i>	4						
33	<i>13217</i>	<i>Thực tập 2 – Quản trị tác nghiệp</i>	4						
34	<i>13218</i>	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>	10						

2. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

TT	Mã môn	Tên môn học/học phần	Số TC	Kế hoạch dạy/học kỳ			
				1	2	3	4
	1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	21				
	1.1	Ngoại ngữ	9				
1	11401	Tiếng Anh 1	3	3			
2	11402	Tiếng Anh 2	3		3		
3	11403	Tiếng Anh 3	3			3	
	1.2	Khối kiến thức Khoa học Xã hội và nhân văn	12				
4	11203	Nhà nước và Pháp luật đại cương	2	2			
5	11202	Lịch sử văn minh thế giới	2	2			
6	11204	Cơ sở Văn hóa Việt Nam	2	2			
7	11205	Tâm lí học đại cương	3	3			
8	11206	Điều tra xã hội học	3	3			
	2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	55				
	2.1	Kiến thức cơ sở ngành	19				
7	13106	Quản trị nguồn nhân lực ngành khách sạn	3	3			
8	13108	Định hướng nghề nghiệp quản trị du lịch	2	2			
9	13109	Địa lý du lịch	3			3	
10	13110	Kinh tế du lịch	3		3		
11	13111	Marketing du lịch	3			3	
12	13112	Hành vi người tiêu dùng du lịch	3		3		
13	13113	Thanh toán quốc tế trong DL	2			2	
	2.2	Kiến thức chung của chuyên ngành	36				
	2.2.1	Kiến thức bắt buộc	24				
14	13201	Quản trị kinh doanh lễ hành	3	3			
15	13202	Quản trị kinh doanh lưu trú	3		3		
16	13203	Quản trị nghiệp vụ ăn uống	3		3		
17	13204	Quản trị nghiệp vụ lễ tân	3		3		
18	13205	Hướng dẫn du lịch	3			3	
19	13206	Quản trị nghiệp vụ buồng	3		3		
20	13207	Du lịch điện tử	3			3	
21	11404	Tiếng Anh du lịch	3			3	
	2.2.2	Kiến thức tự chọn các chuyên ngành	12				
	2.2.2.1	Chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lễ hành (Chọn 12TC)					

TT	Mã môn	Tên môn học/học phần	Số TC	Kế hoạch dạy/học kỳ			
				1	2	3	4
22	13208	Du lịch sinh thái	2		2		
23	13209	Du lịch văn hóa	2				
24	13210	Quản trị sự kiện (Thực hành tại khách sạn Hà Nội)	2				
25	13211	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	3		3		
26	13212	Thực hành Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	3			3	
27	13213	Tâm lí du khách và giao tiếp trong kinh doanh du lịch	2			2	
28	13214	Pháp luật trong kinh doanh du lịch	2			2	
	2.2.2.2	Chuyên ngành Quản trị hướng dẫn du lịch (Chọn 12TC)					
22	13208	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	2				
23	13209	Pháp luật trong kinh doanh du lịch	2		2		
24	13210	Hệ thống di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng Việt Nam	3		3		
25	13211	Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch	2				
26	13212	Lễ hội Việt Nam	2			2	
27	13213	Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn	3			3	
28	13214	Văn hóa ẩm thực	2			2	
	2.2.2.3	Chuyên ngành Quản trị du lịch cộng đồng (Chọn 12TC)					
22	13208	Phát triển du lịch cộng đồng	3		3		
23	13209	Du lịch có trách nhiệm	2				
24	13210	Thực hành tổ chức kinh doanh du lịch cộng đồng	3		3		
25	13211	Du lịch sinh thái	2			2	
26	13212	Du lịch văn hóa	2			2	
27	13213	Pháp luật trong kinh doanh du lịch	2				
28	13214	Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch	2			2	
	2.2.2.4	Chuyên ngành Quản trị lưu trú du lịch (Chọn 12TC)					
22	13208	Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch	2		2		

TT	Mã môn	Tên môn học/học phần	Số TC	Kế hoạch dạy/học kỳ				
				1	2	3	4	
23	13209	Pháp luật trong kinh doanh du lịch	2		2			
24	13210	Lý thuyết pha chế đồ uống	2		2			
25	13211	Thực hành kinh doanh lưu trú	3			3		
26	13212	Văn hóa ẩm thực	2					
27	13213	Quản trị an ninh an toàn trong kinh doanh lưu trú	2					
28	13214	Quản trị khách sạn nhỏ (Thực hành tại khách sạn Hà Nội)	3			3		
29	13215	Marketing và bán sản phẩm lưu trú	2					
	2.2.2.5	Chuyên ngành Quản trị dịch vụ lữ hành (Chọn 12TC)						
22	13208	Quản trị dịch vụ vận chuyển	3		3			
23	13209	Quản trị du thuyền	2					
24	13210	Đại lý lữ hành	2		2			
25	13211	Thực hành đại lý lữ hành	3			3		
26	13212	Pháp luật trong kinh doanh du lịch	2					
27	13213	Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch	2			2		
28	13214	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	2					
29	13215	Lễ hội Việt Nam	2			2		
	2.3	Thực tập Tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp	18					
30	<i>13216</i>	<i>Thực tập 1 – Tác nghiệp</i>	4				4	
31	<i>13217</i>	<i>Thực tập 2 – Quản trị tác nghiệp</i>	4				4	
32	<i>13218</i>	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>	10				10	
		Tổng cộng toàn khóa	Số TC	94	23	27	26	18
			Số Môn	30	9	9	9	3

